

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH & LỮ HÀNH
(Kèm theo Quyết định 133/QĐ-ĐHTĐ ngày 25 tháng 03 năm 2020)

NĂM 2020

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Đại học Quản trị dịch vụ du lịch & Lữ hành được điều chỉnh năm 2020 theo Quyết định của Nhà trường nhưng vẫn đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu, tương đối các yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp theo thông tin tư vấn số 07/2015/TT- Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 16 tháng 4 năm 2015. Năm 2018, Khoa/ Bộ môn điều chỉnh chi tiết và chuẩn đầu ra theo Công văn số 1982 / QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng trường đại học. đào tạo. Chương trình đào tạo đại học ngành QTDVDL&LH kế thừa các chương trình đào tạo trước đây và được bổ sung, sắp xếp hợp lý, phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu mới của giáo dục đại học, người học và người có liên quan. Học viên tham gia chương trình đào tạo ngành QTDVDL&LH theo phương thức đào tạo kiến thức, kỹ năng và thái độ để trở thành cử nhân kinh tế có tư tưởng chính trị vững, kiến thức chuyên ngành có thể chịu trách nhiệm. làm việc trong lĩnh vực quản trị kinh doanh và đáp ứng các yêu cầu của xã hội.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình tiếng Việt: **Chương trình đào tạo Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành**
2. Tên chương trình tiếng Anh: **Tourism & Travel Services Management Program**
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Ngành đào tạo tiếng Việt: **Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành**
5. Ngành đào tạo tiếng Anh: **Tourism & Travel Services Management**
6. Mã ngành: 7810103
7. Thời gian đào tạo: 4 năm
8. Loại hình đào tạo: Chính quy, tập trung
9. Số tín chỉ: 141
10. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân/Đại học
11. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Sứ mạng – Tâm nhìn – Mục tiêu phát triển của Trường Đại Học Tây Đô

Sứ mạng

Sứ mạng của Trường Đại học Tây Đô là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học.

Tâm nhìn

Trường Đại học Tây Đô phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu ở Khu vực ĐBSCL với định hướng nghiên cứu ứng dụng phục vụ

cộng đồng. Phân đầu đến năm 2035, một số ngành đào tạo hệ đại học chính quy của Trường sẽ phát triển ngang tầm Khu vực Đông Nam Á.

Mục tiêu phát triển đến năm 2035

Mục tiêu chiến lược đến năm 2035 là xây dựng và phát triển Trường Đại học Tây Đô thành một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng có uy tín, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững về các lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, sức khoẻ vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Các giá trị: Trí tuệ - Sáng tạo - Năng động - Đổi mới

Triết lý giáo dục

- Học suốt đời để làm việc suốt đời

- Thực học - Thực nghiệp.

2.2. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Khoa/Bộ môn

Sứ mệnh

Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng nghiên cứu kết quả quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển có chất lượng, hiệu quả và ổn định; Nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội; Tạo môi trường thuận lợi để đào tạo, nuôi dưỡng và phát triển nhân tài trong lĩnh vực kinh doanh du lịch hiện đại.

Tầm nhìn

Trở thành Khoa dựa trên nghiên cứu ứng dụng Xếp hạng tầm nhìn ngang hàng với Khoa Du lịch tiên tiến trong khu vực và cả nước, trong đó có ít nhất 2 ngành đào tạo sẽ được kiểm định do các tổ chức chất lượng giáo dục đại học cấp trường và cấp khu vực.

Mục tiêu

Mục tiêu đào tạo: Tạo cho học sinh, sinh viên có đủ sức khoẻ; đã được cải tiến vàng Chuyên nghiệp; có kiến thức về giá trị xã hội chính, luật pháp và thông tin công nghệ; có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và giám sát hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tại các tổ chức, doanh nghiệp trong môi trường luôn thay đổi.

Mục tiêu phát triển đến năm 2023: Mở rộng ngành nghề đào tạo ở cả bậc đại học và sau đại học.

Tăng quy mô đào tạo so với hiện tại 20%

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

Thao tác mạnh mẽ nâng cấp nghiên cứu khoa học của viên và sinh viên.

Nâng cả về số lượng và chất lượng.

Thực hiện kiểm định 2 CTĐT bậc đại học.

2.3. Mục tiêu của chương trình

2.3.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành được xây dựng nhằm đào tạo cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có đủ kiến

thức, kỹ năng nghề nghiệp của ngành, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc tốt trong các lĩnh vực dịch vụ du lịch, lữ hành, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành du lịch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

2.3.2 Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

a. Kiến thức giáo dục đại cương:

G1. Những kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, văn hoá.

G2. Vận dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm tin học trong lĩnh vực kinh tế; có khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, giao tiếp với du khách, đối tác, đồng nghiệp, sử dụng tiếng Anh đáp ứng vị trí công việc trong môi trường hội nhập quốc tế.

b. Kiến thức về cơ sở ngành:

G3. Có kiến thức cơ bản về tổng quan du lịch, tâm lý khách du lịch, địa lý du lịch, lịch sử, văn hóa, ẩm thực, quản lý nhà nước về du lịch, phát triển du lịch bền vững...

c. Kiến thức về chuyên ngành:

G4. Có kiến thức cơ bản về kinh tế và quản trị, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn như quản trị nhân sự trong du lịch, marketing du lịch, quản trị kinh doanh lữ hành, thiết kế và điều hành tour, quản trị kinh doanh nhà hàng, khách sạn, quản trị điểm đến du lịch,....

G5. Kiến thức về các dịch vụ liên quan (lưu trú, ăn uống, vận chuyển...), các dịch vụ bổ sung, cách bố trí các điểm tham quan...

G6. Có kiến thức về quy trình nghiệp vụ lữ hành (hệ thống sản phẩm lữ hành, xây dựng và tổ chức các chương trình du lịch, tổ chức mạng lưới tiêu thụ sản phẩm, tổ chức thực hiện các chương trình du lịch...); nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (tổ chức thực hiện các chương trình du lịch, các phương pháp hướng dẫn tham quan tại điểm du lịch, phục vụ theo nhu cầu khách hàng...) và mối quan hệ của bộ phận điều hành và các bộ phận khác trong công ty.

1.1.1. Về kỹ năng

d. Kỹ năng cứng

G7. Có khả năng thực hiện, quản lý, điều hành và giám sát các nghiệp vụ cơ bản trong các tổ chức, đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.

G8. Tham gia điều chỉnh và thực hiện các chiến lược, dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh và phát triển du lịch. Có khả năng thực hiện các nghiên cứu độc lập có tính thực tiễn trong du lịch, tham gia nghiên cứu khoa học, giảng dạy về du lịch.

G9. Kỹ năng dẫn dắt, tạo động lực cho bản thân và đội nhóm, tự khởi nghiệp và tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. Có khả năng tham gia các nhóm khởi nghiệp dựa trên kiến thức được học về khởi nghiệp trong chương trình đào tạo và kiến thức về ngành du lịch.

e. Kỹ năng mềm

G10. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm cơ bản về giao tiếp, nói trước công

chúng, thuyết trình, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng phản biện,...

G11. Có các kỹ năng phục vụ trong lĩnh vực dịch vụ du lịch: xử lý tình huống, đàm phán, tổ chức họp, hội nhập, thích ứng với môi trường, kỹ năng truyền đạt, thuyết phục và giải pháp khởi nghiệp,....

1.1.2. Về Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm

f. Ý thức trách nhiệm

G12. Có ý thức trách nhiệm và có hoài bão về nghề nghiệp được đào tạo

G13. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

g. Đạo đức nghề nghiệp

G14. Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp và thái độ phục vụ tốt

G15. Có phẩm chất chính trị, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.1.3. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp

- Các cơ sở đào tạo, nghiên cứu thuộc lĩnh vực du lịch như: Các trung tâm đào tạo nghiệp vụ du lịch, các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, các viện nghiên cứu,...

- Các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực du lịch: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh/thành; Trung tâm Xúc tiến Du lịch,....

- Các tổ chức, đơn vị trực tiếp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành,...

- Các tổ chức, đơn vị doanh nghiệp kinh tế khác có liên quan,...

1.1.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có nền tảng tốt để tiếp tục học lên bậc học cao hơn như Thạc sĩ, Tiến sĩ của Trường Đại học Tây Đô, các trường đại học trong nước và ngoài nước hoặc các chương trình liên kết được cấp phép của Bộ GD&ĐT của các Trường Đại học trong nước với một số trường ở nước ngoài để lấy bằng Thạc sĩ của các trường này;

- Có năng lực làm việc tại các doanh nghiệp có quy mô lớn thuộc ngành nghề

- Có năng lực thăng tiến lên cấp quản trị cấp trung (trong vòng 3 -5 năm tích lũy kinh nghiệm làm việc);

- Có khả năng tự học để nâng cao trình độ.

3. CHUẨN ĐẦU RA (Program learning outcomes)

3.1- Kiến thức:

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO1	Kiến thức biết về cơ bản về nền tảng toán học, lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức biết về pháp luật Việt Nam, kiến thức biết về an ninh quốc phòng; vận dụng kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất.
LO2	Có thể vận dụng các kiến thức khoa học xã hội và khoa học tự nhiên vào

	công việc trong tương lai như tổng quan du lịch, phát triển du lịch bền vững, địa lý du lịch, tâm lý du khách, văn hóa ẩm thực, chăm sóc khách hàng và giao tiếp với khách du lịch.
LO3	Vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin phục vụ cho công việc; Sinh viên sử dụng được các phần mềm tin học MS Window, MS Word, MS Excell, Powerpoint và khai thác các dịch vụ nền tảng của mạng Internet trong quá trình học tập và làm việc, kiến thức về Thương mại điện tử đáp ứng các vị trí công việc.
LO4	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và các lĩnh vực liên quan như: tổng quan về các mô hình kinh tế, quy tắc phát triển và các yếu tố ảnh hưởng đến nền kinh tế; Kiến thức về các chức năng của quản trị trong doanh nghiệp, nguyên tắc và mô hình quản trị.
LO5	Phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh tại các bộ phận trong doanh nghiệp/tổ chức; phân tích, đánh giá, xây dựng và giám sát các kế hoạch, chiến lược kinh doanh trong doanh nghiệp/tổ chức.

3.2- Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO6	Kiến thức, phân tích và ứng dụng được các phương pháp quản lý nhân sự, doanh thu và quy trình tổ chức - thiết kế điều hành tour; dịch vụ phục vụ khách du lịch, giải quyết phàn nàn của khách hàng trong ngành lữ hành; kiến thức và lĩnh hội được các kiến thức nghiệp vụ hướng dẫn, điều hành, hoạt náo và MC; các nguyên tắc về đồng phục, tác phong, thái độ chuẩn mực trong lĩnh vực du lịch và lữ hành.
LO7	Vận dụng khởi nghiệp, dẫn dắt, tạo động lực cho bản thân và đội nhóm, tự khởi nghiệp và tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
LO8	Thực hiện được việc hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát, xử lý, phân tích, đánh giá thông tin để giải quyết vấn đề liên quan đến các vấn đề liên quan đến hoạt động trong doanh nghiệp/tổ chức.

2.2.2 Kỹ năng mềm

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO9	Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, viết - đọc và trình bày, thuyết trình, đàm phán thương lượng, ...) vào công việc thực tế và trong chuyên ngành.
LO10	Vận dụng thành thạo kỹ năng tin học căn bản và tin học nâng cao, ngoại ngữ vào công việc đối với nhân sự làm việc trong ngành Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành.
LO11	Sử dụng tốt ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; Vận dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm tin học trong lĩnh vực kinh tế; có khả năng đọc tài liệu chuyên ngành, giao tiếp lưu loát với du khách, đối tác, đồng nghiệp, sử dụng tiếng Anh đáp ứng vị trí công việc trong môi trường

hội nhập quốc tế.

3.3- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên cần đạt mức thái độ như được trình bày ở Bảng bên dưới để quá trình đào tạo đạt hiệu quả.

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO12	Hình thành phẩm chất đạo đức tốt, ý thức đầy và có tinh thần trách nhiệm công dân. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với nhóm và chịu trách nhiệm với xã hội. Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời để làm việc suốt đời.
LO13	Hình thành khả năng ứng biến tốt trong môi trường thay đổi, mềm dẻo, ứng biến, linh hoạt với nhiều điều kiện, hoàn cảnh đa dạng và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;
LO14	Tổ chức điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và hoạch định mục tiêu và tạo động lực cho bản thân; có sáng kiến trong quá trình làm việc; có khả năng định hướng và thích nghi với môi trường làm việc và tư cập nhật kiến thức, kỹ năng mới.
LO15	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

Bảng 1: Ma trận tích hợp Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mục tiêu đào tạo														
	G1	G2	G3	G4	G5	G6	G7	G8	G9	G10	G11	G12	G13	G14	G15
LO1	3	1	2	1	1	1	1	1	1	2	2	3	3	3	3
LO2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	2	3	3	3	3	3
LO3	1	2	2	2	1	2	2	2	1	2	1	2	2	3	3
LO4	1	2	3	4	3	4	4	3	3	2	2	3	3	3	3
LO5	1	1	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
LO6	1	2	3	4	4	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3
LO7	2	2	2	4	3	3	3	3	3	3	4	3	3	3	3
LO8	1	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3
LO9	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	4	3	3	3	3
LO10	1	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3
LO11	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2
LO12	3	2	2	2	2	2	3	3	3	2	3	3	3	3	3
LO13	2	2	3	3	2	3	3	3	2	4	4	3	3	3	3
LO14	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	4	3	3	3	3
LO15	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3

4. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Bắt đầu với các vị trí nhân viên, chuyên viên trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo như: Sale tour, thiết kế - điều hành tour, kinh doanh du lịch, marketing, bán

hàng,... Sau đó, có thể đảm đương được các vị trí quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao khi hội tụ đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, khả năng trong các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý và các tổ chức phi lợi nhuận trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Làm việc trong môi trường áp lực cao, môi trường thay đổi thường xuyên và đa dạng các nhóm người trong công tác xúc tiến kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Có khả năng nghiên cứu, học tập tiếp ở bậc cao hơn.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.

- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

❖ **Phương thức tuyển sinh:**

▪ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia:

Sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia để xét tuyển.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm thi của 3 môn thi (theo thang điểm 10) thuộc nhóm môn xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng do nhà trường quy định sau khi có kết quả thi THPT Quốc Gia.

▪ Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT (xét học bạ).

Có hai hình thức của phương thức xét học bạ:

- **Hình thức 1:** Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

+ Tốt nghiệp THPT.

+ Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.

+ Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$ĐXT = \text{Điểm trung bình chung (ĐTBC)} + \text{Điểm ưu tiên (ĐƯTXT)}$.

$ĐTBC = (\text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 3}) \div 3$.

$ĐƯTXT = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3$.

(ĐTBC và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

- **Hình thức 2:** Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT.
- + Điểm trung bình chung cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và học kỳ I lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.
- + Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{ĐTBC} + \text{ĐUTXT}$$

$$\text{ĐTBC} = (\text{ĐTB môn 1} + \text{ĐTB môn 2} + \text{ĐTB môn 3}) \div 3$$

$$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 1} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 1}) \div 3.$$

$$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 2} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 2}) \div 3.$$

$$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 3} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 3}) \div 3.$$

$$\text{ĐUTXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$$

(ĐTBC và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

▪ **Tổ hợp xét tuyển:**

- + Khối A00 (Toán, Lý, Hóa)
- + Khối A01 (Toán, Lý, Anh)
- + Khối D01 (Toán, Văn, Anh)
- + Khối C04 (Toán, Văn, Địa lý)

5.2. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.4.1 Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

5.4.2 Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quyết định số 641/QĐ-ĐHTĐ ngày 1/9/2017 Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên.
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.
- e) Đạt kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường.

5.3. Cách thức đánh giá

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường. Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Chương trình Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

6.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên giảng dạy chương trình ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau.
- Nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế tốt nghiệp).
- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp).
- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba, năm tư hay năm cuối đại học).
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần suy nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng sau:

Bảng 2. Chiến lược giảng dạy và học tập

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, Seminar	Thuyết giảng Bài học Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán Trình diễn mẫu Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu Giải quyết vấn đề Nghiên cứu tình huống Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm	Mô phỏng Thực tế Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận Thảo luận Giải quyết vấn đề Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân Kế hoạch nghiên cứu

6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.
- Mỗi học kỳ, Khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV.
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

7.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần, và chuẩn đầu ra học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra học phần. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát sinh viên về học phần giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương

pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics học phần. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình.

7.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

❖ Các môn lý thuyết:

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng.

- Trọng số quy định:

- Điểm giữa kỳ, chuyên cần, bài tập, ... : 30 - 40%
- Điểm thi kết thúc học phần: 60% - 70%. Hình thức thi theo học phần cụ thể ghi trong đề cương chi tiết. Tiêu chí đánh giá bài thi theo đáp án của giảng viên ra đề.

❖ **Các môn thực hành:** Điểm học phần là điểm trung bình cộng điểm của các bài thực hành.

7.3. Thang điểm

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-DHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trường Đại học Tây Đô).

Bảng 3. Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0 – 10,0	A	4,0
Giỏi	8,0 – 8,9	B+	3,5
Khá	7,0 – 7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5 – 6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5 – 6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
Yếu	4,0 – 4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là ĐTBCHK, ĐTBCHN hoặc ĐTBCTL.

a_i : là điểm của học phần thứ i .

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i .

n : là tổng số học phần.

7.4. Một số Rubric đánh giá trong chương trình

7.4.1. Rubric đánh giá thuyết trình

STT	TIÊU CHÍ	KHÔNG ĐẠT	ĐẠT	TỐT	RẤT TỐT
		1	2	3	4
1	Nội dung	Sai về nội dung chủ đề, không đầy đủ về nội dung	Đúng và đầy đủ nội dung chủ đề bài thuyết trình	Đúng nội dung chủ đề có liên hệ mở rộng.	Phân tích nội dung trọng tâm chủ đề. Liên hệ nội dung với thực tiễn (nếu có).
2	Cách thiết kế bài thuyết trình	<ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều lỗi trong câu, từ. - Định dạng không phù hợp về font, size. - Thiếu những hiệu ứng cần thiết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Màu sắc đơn điệu, chưa nhấn mạnh trọng tâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét. - Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét. - Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm. - Có các đường link minh họa hoặc link giữa các slide hợp lý.
3	Tác phong trình bày	Trình bày không tự tin, không suôn sẻ, không rõ ràng.	Trình bày tự tin, suôn sẻ, rõ ràng.	Trình bày tự tin, nhiệt huyết, mạch lạc, rõ ràng, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể.	Trình bày chuyên nghiệp, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể, có tương tác với người nghe.
4	Phản hồi, xử lý ý kiến phản biện	Không xác định mục tiêu, nội dung cần phản biện.	Xác định được nội dung câu hỏi phản biện nhưng trả lời chưa rõ ràng cụ thể.	Trả lời được mục tiêu câu hỏi đề ra nhưng chưa minh họa được bình ví dụ điển hình.	Trả lời được câu hỏi phản biện mở rộng, nâng cao. Liên hệ ví dụ minh họa điển hình cho câu trả lời.

7.4.2. Rubric đánh giá báo cáo khóa luận tốt nghiệp

Tiêu chí	Tỉ lệ %	Không đạt (0-1 điểm)	Gần đạt (2-4 điểm)	Đạt (5-8 điểm)	Tốt (9-10 điểm)
I	NỘI DUNG KHÓA LUẬN 70%				
1. Hình thức	5%	Không đạt số trang quy định Định dạng sai	Đạt số trang quy định (≥ 40 trang). Định dạng đúng quy định	Đạt số trang quy định (≥ 40 trang). Định dạng đúng quy định Phù hợp với văn phong khoa học.	Đạt số trang quy định (≥ 40 trang). Định dạng đúng quy định Phù hợp với văn phong khoa học. Trình bày rõ ràng, hợp logic.
2. Cấu trúc	5%	Không đủ các chương	Đầy đủ các chương	Đầy đủ các chương và các phần liên quan	Đầy đủ các chương và các phần liên quan Bố cục logic
3. Nội dung					
3.1. Tổng quan	10%	Không nêu được mục tiêu và không lược khảo tài liệu	- Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu - Nêu được tính cấp thiết của đề tài. - Nêu được mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. - Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài	- Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu - Nêu được tính cấp thiết của đề tài. - Nêu được mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. - Lược khảo đầy đủ và phù hợp về những nghiên cứu trước đây về vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu - Kế thừa thích hợp những tri thức của các nghiên cứu trước đây để tiến hành nghiên cứu (các khái niệm, các lý thuyết...) - Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài - Trình bày mạch lạc, rõ ràng	- Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu chính xác, rõ ràng, súc tích. - Nêu được tính cấp thiết của đề tài. - Mục tiêu cụ thể có tương thích với mục tiêu tổng quát - Lược khảo có phân tích, đầy đủ và phù hợp về những nghiên cứu trước đây về vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu - Nêu bật được những khiếm khuyết của các nghiên cứu này đây so với thực tế (để chứng minh tính thiết yếu khoa học). - Kế thừa thích hợp những tri thức của các nghiên cứu trước đây để tiến hành nghiên cứu (các khái niệm, các lý thuyết...) - Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề

					<p>tài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày mạch lạc, rõ ràng.
<p>3.2. Cơ sở lý luận - Thiết kế nghiên cứu</p>	<p>20%</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa xác định được đối tượng nghiên cứu - Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu nhưng không tương thích với mục tiêu. - Chưa đạt cỡ mẫu nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đối tượng nghiên cứu. - Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu nhưng chưa rõ ràng. - Đạt cỡ mẫu nghiên cứu. - Có mô tả công cụ thực nghiệm. - Có mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ. - Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính). 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đối tượng nghiên cứu cụ thể, rõ ràng. - Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu rõ ràng. - Đạt cỡ mẫu nghiên cứu và mang tính đại diện. - Mô tả công cụ thực nghiệm chính xác. - Mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu đầy đủ. - Tính khách quan, chính xác và khoa học của PP xử lý. - Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính). 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đối tượng nghiên cứu cụ thể, rõ ràng. - Mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu rõ ràng, tương thích với mục tiêu nghiên cứu. - Đạt cỡ mẫu nghiên cứu và mang tính đại diện. - Mô tả công cụ thực nghiệm chính xác, có tương thích với mục tiêu nghiên cứu. - Mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu đầy đủ. - Tính khách quan, chính xác và khoa học của PP xử lý. - Lý giải về tính tương thích với giả thuyết nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu. - Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính) - Trình bày mạch lạc, rõ ràng.

<p>3.3. Kết quả nghiên cứu</p>	<p>30%</p>	<p>Dữ liệu và kết quả nghiên cứu không tương thích với mục tiêu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu. - xử lý dữ liệu nghiên cứu chưa rõ ràng. - Có trình bày kết quả nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu. - Tính xác đáng của kết quả xử lý dữ liệu nghiên cứu. - Trình bày kết quả nghiên cứu chính xác. - Trình bày giới hạn có nghĩa của kết quả đề tài (các điều kiện để kết quả có giá trị). 	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu rõ ràng, logic. - Tính xác đáng của kết quả xử lý dữ liệu nghiên cứu. - Trình bày kết quả nghiên cứu chính xác, rõ ràng, súc tích. - Có đối chiếu với giả thuyết nghiên cứu và các kết quả nghiên cứu trước đây. - Trình bày giới hạn có nghĩa của kết quả đề tài (các điều kiện để kết quả có giá trị). - Trình bày mạch lạc, rõ ràng.
<p>3.4. Giải pháp thực tế/khả thi</p>	<p>20%</p>	<p>Không khái quát được Giải pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được kết giải pháp - Nghiên cứu chưa có ý nghĩa thực tiễn 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được Giải pháp - Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được giải pháp, mạch lạc, rõ ràng. - Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn có tính mới - Có thể ứng dụng các hướng nghiên cứu, khác từ kết quả này.
<p>3.5. Kết luận- Ý nghĩa</p>	<p>5%</p>	<p>Không khái quát được kết quả nghiên cứu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được kết quả nghiên cứu - Nghiên cứu chưa có ý nghĩa thực tiễn 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được kết quả nghiên cứu - Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được kết quả nghiên cứu, mạch lạc, rõ ràng. - Có thể khai thác các hướng nghiên cứu, khác từ kết quả này.
<p>4. Các đặc trưng</p>	<p>5%</p>	<p>Không thể hiện Tính mới, lạ; độ phức tạp của cấu trúc vấn đề</p>	<p>Thể hiện Tính mới, lạ; độ phức tạp của cấu trúc vấn đề; Nghiên cứu chưa có ý nghĩa thực tiễn</p>	<p>Thể hiện Tính mới, lạ; độ phức tạp của cấu trúc vấn đề; Nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn</p>	<p>Thể hiện Tính mới, lạ; độ phức tạp của cấu trúc vấn đề;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn có tính mới - Có thể khai thác các hướng nghiên cứu, khác từ kết quả này.
<p>II</p>	<p>BÁO CÁO 30%</p>				

Báo cáo	100%	- Tác phong không phù hợp - Slide báo cáo khó theo dõi - Không hiểu rõ nội dung trình bày, không trả lời được các câu hỏi.	- Tác phong chuẩn mực. - slide báo cáo dễ nhìn - Hiểu vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác <50% các câu hỏi.	- Tác phong chuẩn mực, tự tin, trình bày rõ ràng lưu loát. - slide báo cáo dễ nhìn - Hiểu rõ vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác 50% các câu hỏi.	- Tác phong chuẩn mực, tự tin, trình bày rõ ràng lưu loát. - Silde báo cáo trình bày rõ ràng, logic, phản ánh cơ bản các nội dung báo cáo. - Hiểu rõ vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác các câu hỏi.
----------------	------	--	--	--	--

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

8.1. Thời gian đào tạo và Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng thời gian đào tạo tập trung là : 4 năm, khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là 130 tín chỉ, không bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

TT	TÊN HỌC PHẦN	Dự kiến điều chỉnh
	Thời gian đào tạo	4 năm
	Số học kỳ	8
	Chương trình đào tạo bắt đầu năm 2020-2021	Tín chỉ
Tổng số tín chỉ		130
1	<i>Kiến thức giáo dục đại cương</i>	26

2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	104
	Trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	15
	- Kiến thức cơ sở ngành tự chọn	5
	- Kiến thức ngành bắt buộc	54
	- Kiến thức ngành tự chọn	18
3	Thực tập, thực hiện khóa luận (hoặc tiểu luận và học phần thay thế)	12

8.2. Danh mục học phần

8.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 26 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
6	0301000667	Pháp luật đại cương	2	
7	0301000946	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	
8	0301000947	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	
9	0301001673	Tin học căn bản	3	
10	0301000060	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	
11	0301000650	Giáo dục quốc phòng - an ninh**	8	
12	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1	
13	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**		
14	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**		
15	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1	
16	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**		
17	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**		
18	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1	
19	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**		
20	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**		
Tổng			26	

8.2.2. Kiến thức cơ sở khối ngành: 20 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	0301001677	Tổng quan du lịch	3	
2	0301001472	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	
3	0301001609	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
4	0301002050	Địa lý du lịch & Thắng cảnh Việt Nam	3	
5	0301001790	Quản lý Nhà nước về du lịch	2	
6	0301000446	Quản trị học	3	
Học phần tự chọn			5	
7	0301000236	Kinh tế vi mô	3	
8	0301000898	Kinh tế vĩ mô	2	
9	0301002051	Marketing căn bản	3	
10	0301001791	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skills)	2	
11	0301001792	Kỹ năng học tập bậc đại học	2	
Tổng			20	

8.2.3 Kiến thức ngành:

84 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	0301000337	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
2	0301000339	Nghiệp vụ lễ tân và tiền sảnh	2	
3	0301002052	Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn	2	
4	0301000600	Tuyến điểm du lịch	2	
5	0301001413	Thiết kế và điều hành tour	3	
6	0301001917	Ứng dụng CNTT trong du lịch	2	
7	0301000718	Y tế du lịch	2	
8	0301000486	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	2	
9	0301000460	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	
10	0301000245	Kỹ năng hoạt náo	2	
11	0301000310	Marketing du lịch	2	
12	0301002053	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	
13	0301000605	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2	
14	0301002054	Lập & Phân tích dự án Du lịch	3	
15	0301001414	Quản trị Marketing	3	
16	0301001581	Tiếng Anh chuyên ngành	4	
17	0301000336	Nghiệp vụ buồng phòng	2	
18	0301001798	Quản trị du lịch MICE	2	
19	0301000879	Chuyên đề kinh doanh DV DL & LH (năm 3)	4	
20	0301001611	Thực tập tour	5	
21	0301001610	Quản lý điều hành yến tiệc	2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
22	0301002055	Thực tập tốt nghiệp	4	
23	0301001615	Khóa luận tốt nghiệp	8	
24	0301001616	Tiểu luận tốt nghiệp	4	
25	0301001915	Quản trị điểm đến du lịch	2	
26	0301002056	Khởi nghiệp Du lịch	2	
Phần tự chọn			18	
27	0301001800	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	
28	0301000452	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2	
29	0301001404	Tiếp thị số	2	
30	0301000687	Thuế	2	
31	0301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	
32	0301001257	Quản trị nhân sự	2	
33	0301000333	Nghệ thuật quảng cáo	2	
34	0301000534	Thương mại điện tử	2	
35	0301001806	Phát triển du lịch bền vững	2	
36	0301000241	Kỹ năng chăm sóc khách hàng	2	
37	0301000439	Quản trị chất lượng	2	
38	0301000158	Giao tiếp và đàm phán kinh doanh	2	
39	0301000428	Quan hệ công chúng	2	
40	0301000248	Kỹ năng thuyết trình	2	
41	0301000161	Hành vi tổ chức	2	
42	0301000461	Quản trị thương hiệu	2	
Tổng			84	
TỔNG CỘNG: 130 TÍN CHỈ (Bắt buộc: 107 TC; Tự chọn: 23 TC) và 11 TC học phần điều kiện.				

8.3. Ma trận tích hợp học phần – chuẩn đầu ra chương trình:

Mã học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
	LO 1	LO 2	LO 3	LO 4	LO 5	LO 6	LO 7	LO 8	LO 9	LO 10	LO 11	LO 12	LO 13	LO 14	LO 15
0301001769	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301001825	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301001826	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301001827	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301000665	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301000667	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	3	1	1	2
0301000946	1	1	2	1	1	1	1	1	2	3	3	2	1	1	2

0301000947	1	1	2	1	1	1	1	1	2	3	3	2	1	1	2
0301001673	1	1	3	1	1	1	1	1	2	3	2	1	1	1	2
0301000060	2	2	2	1	1	2	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301000650	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	2
0301001035	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	3	1	1	2
0301001036	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001037	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301000660	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001038	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001039	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001030	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301000661	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301000662	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001677	1	3	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2
0301001472	2	3	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301001609	1	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301002050	2	3	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301001790	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301000446	1	1	2	3	3	2	2	3	2	2	1	2	2	2	2
0301000236	1	2	2	3	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301000898	1	2	2	3	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301002051	1	2	2	3	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301001791	1	2	2	2	3	3	3	3	3	2	2	3	2	3	3
0301001792	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301000337	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2
0301000339	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2
0301002052	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2
0301000600	1	3	2	2	2	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301001413	1	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	3	2
0301001917	1	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	1	2	2
0301000718	1	2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2
0301000486	1	3	2	1	2	2	2	2	3	1	2	2	2	3	2

0301000460	1	1	2	3	3	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301000245	1	2	2	2	2	2	3	2	3	1	2	2	3	2	2
0301000310	1	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301002053	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301000605	1	2	2	3	3	3	2	3	2	1	1	2	2	2	2
0301002054	1	2	2	3	3	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2
0301001414	1	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301001581	1	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2
0301000336	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2
0301001798	1	2	2	3	3	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301000879	1	2	2	3	2	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301001611	1	2	2	3	2	3	3	3	2	2	2	3	3	3	2
0301001610	1	2	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	2	2	3
0301002055	1	2	2	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301001615	1	2	2	3	3	2	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301001616	1	2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301001915	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	1	2	2	2	2
0301002056	1	2	2	3	3	2	3	2	3	2	2	3	3	3	2
0301001800	1	2	3	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2
0301000452	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301001404	1	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2
0301000687	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301000490	1	3	1	2	2	3	2	2	3	1	1	2	2	3	2
0301001257	1	2	2	3	3	3	2	3	3	1	1	2	2	3	2
0301000333	1	2	2	2	2	2	2	2	3	2	1	2	2	2	2
0301000534	1	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2
0301001806	1	3	2	2	2	3	2	2	2	1	1	2	2	2	2
0301000241	1	2	1	2	2	2	3	2	3	1	2	3	3	2	3
0301000439	1	2	2	3	3	3	2	2	2	1	1	2	2	2	3
0301000158	1	3	1	3	3	3	3	3	3	1	2	2	3	2	2
0301000428	1	2	2	2	2	3	3	2	3	1	2	2	3	2	2
0301000248	1	2	2	2	2	3	3	2	3	1	2	2	3	2	3
0301000161	1	2	2	3	3	2	2	3	2	1	1	3	2	3	2

0301000461	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	1	2	2	3	
------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY: (dự kiến)

Học kỳ 1:

STT	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Giáo dục thể chất 1-Bóng chuyền**	1	1			30
2	Giáo dục thể chất 1-Bóng đá**	1				
3	Giáo dục thể chất 1-Cầu lông**	1				
4	Pháp luật đại cương	2	2		30	
5	Tin học căn bản	3	3		15	60
6	Tổng quan du lịch	3	3		45	
7	Quản trị học	3	3		30	30
8	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	2		30	
9	Quản lý nhà nước về du lịch	2	2		30	
Tổng:		15+1	15+1			

Học kỳ 2:

STT	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Giáo dục thể chất 2-Bóng chuyền**	1	1			30
2	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**	1				
3	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**	1				
4	Triết học Mác – Lênin	3	3		45	
5	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4		60	
6	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	2		30	
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học QTDVDDLH	2	2		30	
8	Địa lý du lịch & thắng cảnh Việt Nam	3	3		45	
9	Giáo dục quốc phòng - An ninh**	8	8			240
10	Kinh tế vi mô	3		3	30	30
11	Marketing căn bản	3			30	30
Tổng:		17+9	14+9	3	235	300

Học kỳ 3:

STT	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Giáo dục thể chất 3-Bóng chuyền**	1	1			30

STT	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
2	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**	1				
3	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**	1				
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	
5	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30	
6	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4		60	
7	Ứng dụng CNTT trong du lịch	2	2		30	
8	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2	2		30	
9	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	2	2		30	
10	Quan hệ công chúng	2		4	15	30
11	Kỹ năng thuyết trình	2			30	
12	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skills)	2			30	
13	Kỹ năng học tập bậc đại học	2			30	
14	Kinh tế vĩ mô	2			30	
Tổng:		18+1	14+1	4	270	60

Học kỳ 4:

STT	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30	
2	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	3		45	
3	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	2		30	
4	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2	2		30	
5	Y tế du lịch	2	2		30	
6	Kỹ năng hoạt náo	2	2		30	
7	Phát triển du lịch bền vững	2		2	30	
8	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2			30	
Tổng:		15	13	2	225	

Học kỳ 5:

STT	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	
2	Nghiệp vụ lễ tân và tiền sảnh	2	2		30	

STT	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
3	Tuyển điểm du lịch	2	2		30	
4	Tiếng Anh chuyên ngành QTĐV-DLLH	4	4		60	
5	Quản trị Marketing	3	3		45	
6	Quản trị nhân sự	2		4	30	
7	Quản trị cung ứng dịch vụ du lịch	2			30	
8	Truyền thông và tiếp thị số trong du lịch	2			30	
9	Quản trị bán hàng	2			30	
Tổng:		17	13	4	255	

Học kỳ 6:

STT	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Thiết kế và điều hành tour	3	3		45	
2	Quản trị du lịch MICE	2	2		30	
3	Chuyên đề kinh doanh DVDLLH	4	4			120
4	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	3		45	
5	Lập & Phân tích dự án Du lịch	3	3		45	
6	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2		4	15	30
7	Nghệ thuật quảng cáo	2			15	30
8	Thương mại điện tử	2			15	30
9	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	2			15	30
Tổng:		19	15	4	195	180

Học kỳ 7:

STT	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Quy hoạch du lịch Việt Nam	2	2		30	
2	Quản trị khu du lịch, khu nghỉ dưỡng	2	2		30	
3	Thực tập tour	5	5			150
4	Quản trị điểm đến trong du lịch	2	2		30	
5	Marketing du lịch	2	2		15	30
6	Du lịch cộng đồng	2		2	30	

STT	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
7	Du lịch sinh thái Việt Nam	2			30	
8	Thủ tục xuất nhập cảnh	2		2	30	
9	Phát triển sản phẩm du lịch	2			30	
Tổng:		17	12	2	165	180

Học kỳ 8:

STT	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Thực tập tốt nghiệp - QTDVLLH	4	4			120
2	Khóa luận tốt nghiệp - QTDVLLH	8		8		240
3	Tiểu luận tốt nghiệp - QTDVLLH	4		4		120
4	Quản trị chất lượng sản phẩm và dịch vụ	2		4	30	
5	Khởi nghiệp du lịch	2			30	
6	Văn hóa các nước Đông Nam Á	2			30	
7	Đặc điểm văn hóa ĐBSCL	2			30	
Tổng:		12	4	8		

Ghi chú: **: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

10. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

10.1. Triết học Mác - Lênin

Học phần là phần thứ nhất của môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung của môn học bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

10.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

10.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần có 7 chương, gồm những tri thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học

cung cấp cho người học: đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

Sau khi học xong người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Người học lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

10.4. Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam

Bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...)

10.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung học phần: Nội dung học phần trình bày về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

10.6. Pháp luật đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật như: nguồn gốc nhà nước, khái niệm, bản chất nhà nước, chức năng nhà nước, hình thức nhà nước; nguồn gốc, khái niệm, bản chất, chức năng và vai trò của pháp luật, các kiểu và hình thức pháp luật; quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

10.7. Tiếng Anh định hướng Toeic 1

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe – nói – đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm.

10.8. Tiếng Anh định hướng Toeic 2

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe – nói – đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế.

10.9. Tin học căn bản

Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua lý thuyết và thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng:

Sử dụng hệ điều hành Windows: Những hiểu biết cơ bản về tin học, thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng, phần mềm và dữ liệu; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng tiếng Việt trong windows, cách bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính.

Soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, Xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel. Trình bày báo cáo bằng Microsoft PowerPoint, Sử dụng Internet và E-mail : Trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet.

10.10. Đại cương văn hóa Việt Nam

Đại cương văn hóa Việt Nam là một môn học nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, bao gồm: Điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam;- Cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam;- Đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam; Văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập toàn cầu hóa; Các vùng văn hóa Việt Nam

10.11. Giáo dục quốc phòng – An ninh

Giáo dục hiểu rõ nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc xây dựng nền quốc phòng toàn dân là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của nước ta hiện nay, về chiến lược “diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số vấn đề tư duy lý luận trong đường lối quân sự của Đảng. Một số nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, về nghệ thuật quân sự Việt Nam, thực hành một số kỹ năng quân sự cần thiết về kỹ thuật và chiến thuật. Rèn luyện tác phong, nếp sống tập thể có kỷ luật.

10.12. Nội dung học phần bóng đá cơ bản

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn bóng đá.

10.13. Nội dung học phần cầu lông cơ bản

Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông cơ bản sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phòng thủ cơ bản... Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn cầu lông.

10.14. Nội dung học phần môn bóng chuyền cơ bản

Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng

chuyên, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

10.15. Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 1

Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác.

- Lý thuyết: Hiểu được lịch sử phát triển và luật thi đấu của môn bóng chuyền

10.16. Nội dung học phần môn bóng đá nâng cao 1

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, nhận bóng, chụp bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và luật thi đấu môn bóng đá

10.17. Nội dung học phần môn cầu lông nâng cao 1

Giúp cho sinh viên giúp có thể thực hành một số kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông như: Đánh cầu thuận tay cao sâu, đập cầu. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện

10.18. Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 2

- Kỹ năng thực hành: Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập bóng cơ bản, hình thức thi đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu.

- Lý thuyết: Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

10.19. Nội dung học phần môn bóng đá nâng cao 2

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng đá.

10.20. Nội dung học phần môn cầu lông nâng cao 2

Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông nâng cao 2 sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật đã học đồng thời hoàn thiện các kỹ thuật đó và có thể thi đấu nâng cao trình độ kỹ thuật. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức rõ hơn về luật thi đấu môn cầu lông.

10.21. Tổng quan du lịch

Học phần Tổ chức công tác kế toán gồm 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết)

Học phần giới thiệu một số nội dung

Một số vấn đề khái quát về tổ chức công tác du lịch trong doanh nghiệp

Các công tác du lịch trong doanh nghiệp và Việt Nam:

– Quản lý du lịch bền vững và Phát triển du lịch quốc gia.

10.22. Văn hóa ẩm thực Việt Nam

Học phần Văn hóa ẩm thực Việt Nam được tổ chức giảng dạy theo 6 phần kiến thức: (1) Những vấn đề chung về văn hóa ẩm thực, (2) Tập quán và khẩu vị ăn uống, (3) Văn hóa ẩm thực miền Bắc, (4) Văn hóa ẩm thực miền Trung, (5) Văn hóa ẩm thực miền Nam, (6) Văn hóa ẩm thực một số quốc gia trên thế giới. Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về các khái niệm về ẩm thực, đặc trưng, các yếu tố ảnh hưởng đến tập quán và khẩu vị ăn uống của Việt Nam, đặc trưng ẩm thực, món ăn đặc biệt của từng vùng miền cũng như những đặc trưng cơ bản của ẩm thực một số nước trên thế giới.

10.23. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học, (2) nghiên cứu định tính, (3) nghiên cứu định lượng, (4) vận dụng nghiên cứu khoa học vào thực tế.

10.24. Địa lý du lịch & Thắng cảnh Việt Nam

Địa lý du lịch và thắng cảnh Việt Nam là học phần nhằm khái quát mối quan hệ giữa các đối tượng du lịch trên phạm vi lãnh thổ. Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về du lịch, tài nguyên du lịch, hệ thống lãnh thổ du lịch, hệ thống di tích và thắng cảnh ở Việt Nam. Trên cơ sở đó vận dụng tìm hiểu tiềm năng du lịch, tuyến và điểm du lịch của các vùng du lịch ở Việt Nam. Học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ thống di tích và thắng cảnh ở Việt Nam, giá trị, vai trò, hệ biểu tượng của hệ thống di tích và thắng cảnh.

10.25. Quản lý nhà nước về du lịch

Khái quát về lịch sử quản lý về du lịch của nhà nước, các nội dung cơ bản về du lịch và quản lý nhà nước; những nguyên tắc trong quản lý Cơ cấu tổ chức và quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp lữ hành, chính sách và nguyên tắc phát triển du lịch, tài nguyên du lịch, phát triển sản phẩm du lịch và quy hoạch về du lịch, quản lý nhà nước trên các lĩnh vực lữ hành, lưu trú, vận chuyển, nhân lực du lịch, xúc tiến quảng bá, những qui định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

10.26. Quản trị học

Học phần cung cấp những khái quát chung về quản trị, sự phát triển các tư tưởng quản trị, quyết định quản trị và nội dung các chức năng của quản trị như: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát. Học phần này là cơ sở, tiên quyết để SV học các môn chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành.

10.27. Kinh tế vi mô

Kinh tế vi mô là môn học kinh tế học căn bản cung cấp cho học sinh kiến thức đại cương về lý luận và phương pháp kinh tế trong lựa chọn để giải quyết ba vấn đề kinh tế cơ bản của một nền kinh tế: sản xuất cái gì? sản xuất như thế nào? và sản xuất cho ai? Môn học khởi đầu với sự nghiên cứu về những cơ sở của cung cầu: vấn đề tiêu dùng cá

nhân, đặc tính cá nhân và từ đó suy ra cầu của thị trường. Nội dung tiếp theo là nghiên cứu về đặc điểm của sản xuất, chi phí, lợi nhuận. Các lựa chọn tối ưu hoá lợi nhuận của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo và thị trường độc quyền. Phần cuối của môn học giới thiệu những vấn đề thất bại của thị trường, thông tin và vai trò của chính phủ.

10.28. Kinh tế vĩ mô

Môn kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế như một tổng thể. Những vấn đề kinh tế vĩ mô đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của các hộ gia đình, các doanh nghiệp, chính phủ các cấp cũng như các mối quan hệ quốc tế. Học phần này sẽ mô tả các biến kinh tế vĩ mô như GDP, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá, tiêu dùng, đầu tư, tiết kiệm. Thêm nữa, trong học phần này chúng tôi cũng giới thiệu các mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản để giải thích mối quan hệ giữa các chỉ tiêu vĩ mô nói trên. Nội dung bao gồm cả tăng trưởng kinh tế dài hạn và dao động sản lượng trong ngắn hạn. Chính sách kinh tế vĩ mô cũng được trình bày ở mức độ giới thiệu trong học phần này.

10.29. Marketing căn bản

Marketing căn bản trình bày những kiến thức căn bản về Marketing. Các khái niệm: thị trường, sản phẩm, giá, phân phối, chiêu thị, ý nghĩa, mục tiêu, vai trò, nội dung của chúng trong Marketing. Các bước nghiên cứu thị trường, phân tích các cơ hội thị trường, phân khúc thị trường, chọn thị trường mục tiêu cho phù hợp với mục tiêu và nguồn lực của doanh nghiệp. Giải thích quá trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng. Qua đó thực hiện các chiến lược Marketing hỗn hợp gồm: chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị.

10.30. Kỹ năng làm việc nhóm

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 4 phần kiến thức: (1) Tổng quan về nhóm, (2) Hoạt động của nhóm, (3) Điều hành nhóm, (4) Kỹ năng làm việc nhóm. Với kiến thức 4 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp.

10.31. Kỹ năng học tập bậc đại học

Môn học giới thiệu về bối cảnh các tổ chức trong nền kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp, cho các sinh viên bước đầu vào chương trình học về kế toán – kiểm toán. Các nội dung giảng dạy xoay quanh một doanh nghiệp hoạt động thế nào, được quản lý và kiểm soát ra sao và vai trò của kế toán – kiểm toán trong quá trình đó. Sinh viên cũng được giới thiệu về những yêu cầu của nghề nghiệp về chuyên môn cũng như đạo đức. Môn học này là nền tảng cho việc xây dựng động cơ học tập, trang bị kỹ năng học tập và hoạch định nghề nghiệp sớm cho sinh viên., đồng thời các kỹ năng học tập của người học được lồng ghép trong yêu cầu của từng nội dung môn học

10.32. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

Học phần nghiệp vụ hướng dẫn du lịch được tổ chức giảng dạy tập trung vào các nội dung trọng tâm: (1) Tổng quan nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, (2) Nghiệp vụ hướng

dẫn, (3) Biên tập tư liệu và thuyết minh hướng dẫn, (4) Hoạt náo trong hướng dẫn nhằm hướng đến đảm bảo chương trình tour và chất lượng dịch vụ theo cam kết.

10.33. Nghiệp vụ lễ tân và tiền sảnh

Giới thiệu tổng quát về bộ phận lễ tân khách sạn. Những yêu cầu của một nhân viên lễ tân và quy định làm việc cơ bản của bộ phận lễ tân. Quy trình nhận đặt buồng trong đó có xử lý các yêu cầu đặt buồng và tổng hợp tình hình đặt buồng. Phục vụ khách trong thời gian khách lưu trú trong đó có giải quyết phàn nàn của khách. Các thủ tục thanh toán, tiễn khách. Quản trị bộ phận lễ tân.

10.34. Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn

Học phần Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn trang bị cho sinh viên ngành du lịch hiểu rõ về yêu cầu của nghề nhà hàng, khách sạn và các tiêu chuẩn, tiêu trí và yêu cầu của một nhân viên trong ngành phục vụ. Đặc biệt, trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách tại khách sạn, nhà hàng, quầy bar đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự. Rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc và phục vụ khách hàng, khả năng nắm bắt tâm lý khách hàng trong quá trình phục vụ. Thiết lập được các quy trình thực hiện công việc trong các lĩnh vực: tiếp tân, phục vụ buồng, phục vụ bàn, bar hợp lý khoa học và đúng tiêu chuẩn qui định.

10.35. Tuyển điểm du lịch

Học phần nghiệp vụ hướng viên du lịch được tổ chức giảng dạy tập trung vào các nội dung trọng tâm: (1) Tổng quan về tuyển điểm du lịch, (2) Tuyển điểm vùng Bắc Bộ, (3) Tuyển điểm vùng Bắc Trung Bộ, (4) Tuyển điểm vùng Nam Trung Bộ và (5) Tuyển điểm vùng Nam Bộ để sinh viên được trang bị kiến thức tổng quan về tuyển điểm nhằm phục vụ thiết kế sản phẩm du lịch và giải quyết các vấn đề liên quan khai thác tour.

10.36. Thiết kế và điều hành tour

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch, những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức tour du lịch, phương pháp định giá tour, hoạt động marketing và bán tour du lịch, công tác tổ chức thực hiện và những công việc của một nhân viên điều hành tour.

10.37. Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch

Sinh viên hiểu rõ những kiến thức về việc khai thác nguồn thông tin trên mạng liên quan đến chuyên ngành, các khái niệm về internet và website, những kiến thức nền về tạo website như ngôn ngữ tạo website, những giai đoạn tạo website, thực hiện tạo một website tương thích đa thiết bị sử dụng mẫu có sẵn. Phân tích và đánh giá vai trò của người học trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, lập kế hoạch xây dựng và e-marketing trong du lịch.

10.38. Y tế du lịch

Trong thời đại hiện nay, lĩnh vực chăm sóc Y tế đang được quan tâm ở mọi lúc mọi nơi. Đặc biệt trong ngành hướng dẫn du lịch, ngoài việc mang lại niềm vui, sự hứng thú cho du khách người hướng dẫn viên cần phải quan tâm đến sức khỏe nhằm mang lại

cảm giác an toàn cho khách du lịch. Đồng thời, trong một chuyến du lịch, hướng dẫn viên du lịch còn phải xử lý được những tình huống bất thường xảy ra liên quan đến sức khoẻ của du khách. Học phần này hướng dẫn các kỹ thuật sơ cấp cứu căn bản, các tình huống bệnh thường gặp, hay các tai nạn có thể xảy ra trong chuyến đi và hướng xử trí cho từng trường hợp nhằm mục đích duy trì sự an toàn cho du khách trong chuyến đi du lịch.

10.39. Tâm lý du khách & nghệ thuật giao tiếp

Học phần đề cập đến các cơ sở tâm lý của du khách, đặc điểm tâm lý của du khách; những vấn đề chung của giao tiếp trong du lịch, những kỹ năng trong giao tiếp du lịch, những phẩm chất cần có của người hướng dẫn viên du lịch. Sau khi học học phần này, sinh viên có cơ sở khoa học để hiểu tâm lý du khách và những chỉ dẫn về giao tiếp văn minh của hướng dẫn viên du lịch.

10.40. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Trình bày những vấn đề có liên quan đến tổng quan về quản trị tài chính và những quyết định liên quan đến việc đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp. Đối với phần tổng quan sinh viên sẽ được nghiên cứu những khái niệm liên quan đến một hoạt động trong công tác quản lý doanh nghiệp – quản trị tài chính; những nhân tố tác động đến các quyết định quản trị tài chính: môi trường vĩ mô, vi mô, biến động của tiền tệ theo thời gian, những ảnh hưởng của lợi nhuận và rủi ro trong việc ra quyết định.

10.41. Kỹ năng hoạt náo

Cung cấp cho sinh viên ngành du lịch những kiến thức, kỹ năng thực hành về chương trình, trò chơi mang tính tập thể nhằm giúp sinh viên tự tin, bản lĩnh khi thực hiện nghề, tiếp xúc với nhiều đối tượng khách khác nhau.

10.42. Marketing du lịch

Học phần cung cấp cho người học: những kiến thức về các loại hình du lịch và thị trường du lịch; các yếu tố môi trường tác động đến du lịch cùng như các ảnh hưởng của du lịch đến kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường; kỹ năng đánh giá TTDL để xây dựng được kế hoạch chiến lược lâu dài trong du lịch.

10.43. Quản trị kinh doanh lữ hành

Học phần Quản trị kinh doanh nhà hàng tổ chức giảng dạy theo 5 chương chính, tập trung vào phần kiến thức trọng tâm: (1) tổng quan về kinh doanh du lịch, dịch vụ, (2) Tổ chức bộ máy nhân sự, (3) Tổ chức kinh doanh du lịch, dịch vụ, (4) Tổ chức, thực hiện marketing du lịch, dịch vụ và (5) Quản trị chất lượng du lịch, dịch vụ .

10.44. Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 5 phần kiến thức: (1) Đạo đức và vấn đề đạo đức trong kinh doanh, (2) Các triết lý đạo đức trong kinh doanh, (3) Phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh, (4) Văn hóa doanh nghiệp, (5) Tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp.

Trên cơ sở thông đạt kiến thức 5 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp,

nhằm góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và văn hóa của doanh nghiệp.

10.45. Lập và phân tích dự án du lịch

Học phần Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư được tổ chức giảng dạy theo các phần kiến thức: (1) Tổng quan về đầu tư, dự án đầu tư và Các vấn đề về thiết lập một dự án, (2) Nghiên cứu thị trường của dự án, (3) Nghiên cứu kỹ thuật của dự án (4) Tổ chức nhân sự và quản trị của dự án (5) Phân tích tài chính của dự án (6) Phân tích hiệu quả kinh tế xã hội của dự án (7) Các vấn đề về tổ chức thẩm định dự án đầu tư. (8) Bài tập lớn cho thiết lập & thẩm định dự án đầu tư.

10.46. Quản trị Marketing

Học phần Quản trị Marketing được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về quản trị marketing và các công việc chính của giám đốc Marketing, (2) hoạch định chiến lược, kế hoạch, chương trình marketing, (3) tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động marketing. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 3 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng marketing vào thực tế, môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến nhu cầu khách hàng, tâm lý – hành vi tiêu dùng, sự hài lòng khách hàng và khả năng cạnh tranh với đối thủ.

10.47. Tiếng Anh chuyên ngành

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cách thức giao tiếp bằng thư tín tiếng Anh trong kinh doanh. Trình bày những nội dung có liên quan đến tài chính, kế toán, các chứng từ trong mua bán quốc tế, những qui tắc trong kinh doanh mua bán quốc tế, nội dung và hình thức của một hợp đồng ngoại thương, một thư chào hàng báo giá và thư hỏi hàng.

10.48. Nghiệp vụ buồng phòng

Nghiệp vụ buồng phòng: Học phần Nghiệp vụ buồng phòng được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan bộ phận buồng phòng của khách sạn, (2) Sổ sách ở bộ phận buồng phòng, (3) Quy trình phục vụ lưu trú. Trên cơ sở thấu hiểu các nội dung của học phần, học viên vận dụng để giải quyết các tình huống thực tế của doanh nghiệp.

10.49. Quản trị du lịch MICE

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về du lịch Mice và hoạt động tổ chức sự kiện: những khái niệm, đặc điểm, cách phân loại, môi trường và điều kiện phát triển du lịch Mice, tình hình hoạt động và quy trình tổ chức du lịch Mice, tổ chức sự kiện ở Việt Nam và thế giới. Từ đó giúp sinh viên có khả năng sáng tạo, thực hiện công tác tổ chức sự kiện và du lịch Mice trong thực tế.

10.50. Chuyên đề kinh doanh du lịch và lữ hành – 04 tín chỉ

Học phần nghiệp vụ hướng viên du lịch được tổ chức giảng dạy tập trung vào các nội dung trọng tâm: (1) Tổng quan dự án kinh doanh, (2) Đánh giá khả thi thị trường của dự án, (3) Đánh giá khả thi kỹ thuật của dự án, (4) Đánh giá khả thi tài chính của dự án

và (5) Tổ chức vận hành doanh nghiệp để sinh viên được trang bị kiến thức tổng quan về thiết kế và thực hiện dự án kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.

10.51. Thực tập tour

Thực tập tour giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với môi trường thực tế cũng như đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để từ đó nhận diện và có phân tích những vấn đề đang diễn ra trong thực tế đời sống kinh tế xã hội với những kiến thức chuyên ngành được trang bị trên lớp,

Sau khi thực tập tour này, những người tham gia sẽ tự tin và có khả năng tốt hơn trong: Rèn cho khả năng nắm bắt các thông tin dịch vụ du lịch tại các địa phương, cách phân bổ và bố trí hợp lý cung đường, tuyến điểm, địa điểm tham quan, hoàn thiện các kỹ năng trong nghiệp vụ du lịch.

10.52. Quản lý điều hành yến tiệc – 2 tín chỉ.

Học phần Quản lý điều hành yến tiệc được tổ chức giảng dạy theo 4 phần kiến thức: (1) tổng quan kinh doanh yến tiệc, (2) Công việc của bộ phận ẩm thực, (3) nhận đặt tiệc, (4) nghiệp vụ bàn. Trên cơ sở thấu hiểu các nội dung của học phần, sinh viên vận dụng để giải quyết các tình huống thực tế của doanh nghiệp.

10.53. Thực tập tốt nghiệp

Thực tập tốt nghiệp là hoạt động học tập bắt buộc được thực hiện trên thực tế tại đơn vị thực tập (nếu có) do sinh viên tự lựa chọn trong học kỳ cuối khóa.

Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với môi trường thực tế cũng như đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để từ đó nhận diện và có phân tích những vấn đề đang diễn ra trong thực tế đời sống kinh tế xã hội với những kiến thức chuyên ngành được trang bị trong trường đại học. Cụ thể hơn, đó là những vấn đề hay những cơ hội đơn vị thực tập đang đối diện. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên và người phụ trách từ đơn vị thực tập, sinh viên sẽ phải làm việc tại một doanh nghiệp hay tổ chức có liên quan. Công việc này áp dụng những gì bạn đã học trong chương trình học tập tại trường vào hoạt động tại đơn vị thực tập.

10.54. Tiểu luận tốt nghiệp

Tiểu luận tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức chuyên môn đã tiếp thu để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với các kiến thức đã được trang bị thông qua học phần Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho bản thân một vấn đề nghiên cứu phù hợp với chuyên môn của ngành đào tạo, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học.

10.55. Khóa luận tốt nghiệp

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức chuyên môn đã tiếp thu từ các học phần thuộc Chương trình đào tạo để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết

vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với sự hiểu biết về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho bản thân một vấn đề nghiên cứu phù hợp, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học và thực hiện chia sẻ kết quả nghiên cứu tại các buổi sinh hoạt học thuật và bảo vệ trước hội đồng đánh giá.

10.56. Quản trị điểm đến du lịch

Học phần quản trị điểm đến du lịch sẽ khái quát về điểm đến du lịch, tổ chức quản lý điểm đến du lịch, chiến lược và quy hoạch phát triển điểm đến du lịch, phát triển sản phẩm điểm đến du lịch, cạnh tranh điểm đến du lịch, phát triển sản phẩm điểm đến du lịch, định vị điểm đến du lịch, thương hiệu điểm đến du lịch, xúc tiến điểm đến du lịch, chất lượng điểm đến du lịch.

10.57. Khởi nghiệp du lịch

Học phần gồm 3 chương: Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thể mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và / hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.

10.58. Thanh toán quốc tế trong du lịch

Nội dung chính của học phần Thanh Toán Quốc Tế trình bày những vấn đề có liên quan đến tỷ giá hối đoái, các nghiệp vụ hối đoái trên thị trường hối đoái, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế và các chứng từ chủ yếu trong thanh toán quốc tế

10.59. Quản trị kinh doanh nhà hàng

Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản và chuyên sâu về mặt lý luận khoa học trong công tác quản trị kinh doanh nhà hàng là nền tảng cho việc điều hành toàn bộ các hoạt động của một doanh nghiệp. Đồng thời cung cấp những kỹ năng cụ thể, chuyên biệt của công tác giúp sinh viên nắm bắt sâu sắc các vấn đề chủ yếu của kinh doanh nhà hàng để vận dụng một cách có hiệu quả vào thực tế công việc sau này.

10.60. Tiếp thị số (Internet Marketing)

Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing.... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết được các công cụ Digital marketing để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động

10.61. Thuế

Học phần này giới thiệu cho sinh viên hệ thống thuế của Việt Nam, trình bày

những kiến thức cơ bản về thuế trên góc độ lý thuyết (kinh tế, chính trị và pháp lý), hướng dẫn sinh viên phương pháp tính thuế và thảo luận các vấn đề liên quan đến thuế đối với cá nhân, doanh nghiệp và xã hội. Học xong môn này, sinh viên có thể: (i) Hiểu cơ sở lý thuyết cơ bản của một hệ thống thuế nội địa hiện đại (modern domestic tax system); (ii) Giải thích việc sử dụng các loại thuế khác nhau để tạo nên hệ thống thuế Việt Nam, tham khảo thêm một số loại thuế tương tự ở các quốc gia khác; (iii) Biết cách tính được tiền thuế phải nộp trong từng tình huống cụ thể; (iv) Áp dụng được những quy định của luật thuế vào đời sống thực tế; (v) Mô tả được ảnh hưởng của thuế đến việc ra quyết định đối với cá nhân và doanh nghiệp; (vi) Đánh giá tác động xã hội rộng lớn hơn của các loại thuế và chính sách tài khóa.

10.62. Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 5 phần kiến thức: (1) Lãnh đạo và quản lý, (2) Nhà lãnh đạo, (3) Nghệ thuật lãnh đạo, (4) Phong cách lãnh đạo, (5) Nghệ thuật dùng người.

Trên cơ sở thông đạt kiến thức 5 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần nâng cao khả năng lãnh đạo của người học.

10.63. Quản trị nhân sự

Học phần quản trị nhân sự được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) Tổng quan quản trị nhân lực trong một tổ chức, (2) Tuyển dụng, đào tạo phát triển, (3) Tiền lương và các hình thức tạo động lực làm việc. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 3 phần trên, cung cấp sinh viên kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực trong một tổ chức, sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn quản trị tại doanh nghiệp.

10.64. Nghệ thuật quảng cáo

Ngày nay quảng cáo thực sự đã trở thành một nghề kinh doanh, đồng thời là một công cụ trọng yếu của Marketing. Kỹ thuật quảng cáo là môn học quan trọng của chương trình đào tạo chuyên sâu ngành Quản trị Marketing.

Học phần Nghệ thuật quảng cáo được tổ chức giảng dạy theo 5 chương: (1) Tổng quan về Quảng cáo; (2) Xác định mục tiêu quảng cáo và ngân sách quảng cáo; (3) Kỹ thuật lựa chọn phương tiện quảng cáo; (4) Kỹ thuật thiết kế thông điệp quảng cáo; (5) Kỹ thuật tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả quảng cáo.

10.65. Thương mại điện tử

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện tử cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau. Các kỹ thuật ứng dụng CNTT trong thương mại điện tử: thiết kế web, xây dựng hệ thống thanh toán. Quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch TMĐT.

10.66. Phát triển du lịch bền vững

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về một vấn đề khoa học du lịch cho sinh viên: vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biển, vùng sinh thái hoang sơ. Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững.

10.67. Kỹ năng chăm sóc khách hàng

Nội dung của môn học bao gồm Tổng quan về bán hàng và quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Kỹ thuật bán hàng và chăm sóc khách hàng; Thiết kế và tổ chức lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp; Quản trị đội ngũ bán hàng và phân tích đánh giá kết quả bán hàng.

10.68. Quản trị chất lượng

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 5 phần kiến thức: (1) Tổng quan về chất lượng, (2) Quản lý chất lượng, (3) Quản lý chất lượng toàn diện (TQM), (4) Phương pháp 6 Sigma, (5) Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 5 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý chất lượng tại doanh nghiệp.

10.69. Giao tiếp và đàm phán kinh doanh

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 6 phần kiến thức: (1) Khái quát chung về giao tiếp kinh doanh, (2) Kỹ năng nghe hiểu, (3) Kỹ năng thuyết trình, (4) Kỹ năng viết, (5) Giao tiếp phi ngôn ngữ, (6) Kỹ năng đàm phán.

Trên cơ sở thông đạt kiến thức 6 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần định hướng, nâng cao kỹ năng giao tiếp, đàm phán kinh doanh cho người học.

10.70. Quan hệ công chúng

Ngày nay PR thực sự đã trở thành một nghề kinh doanh, đồng thời là một công cụ trọng yếu của Marketing. PR là môn học quan trọng của chương trình đào tạo chuyên sâu ngành Quản trị Marketing.

Học phần PR được tổ chức giảng dạy theo 8 nội dung: (1) Tổng quan về PR; (2) Nghiên cứu và đánh giá PR; (3) Lập kế hoạch PR; (4) Thực thi giao tiếp; (5) Quan hệ báo chí; (6) Sự kiện và tài trợ; (7) Quản trị khủng hoảng; (8) Hoạt động PR trong kinh doanh.

10.71. Kỹ năng thuyết trình

Học phần nhằm giúp sinh viên có nhận thức khoa học về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng làm việc nhóm; hình thành cho sinh viên thái độ giao tiếp,

làm việc nhóm tích cực, chủ động. Trên cơ sở kiến thức, thái độ đó sinh viên có được năng lực giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả trong sinh hoạt, học tập và công việc.

10.72. Hành vi tổ chức

Cung cấp những kiến thức cơ sở cần thiết cho nhà quản trị dựa trên nền tảng của nghiên cứu tâm lý học, xã hội học. Giúp các nhà quản trị tương lai hiểu biết về các nguyên nhân, yếu tố tác động, cả bên trong & ngoại cảnh, dẫn đến những hành vi của các cá nhân, các nhóm trong tổ chức; học được 1 số phương pháp giải quyết những vấn đề quản lý liên quan đến con người trong tổ chức.

10.73. Quản trị thương hiệu

Học phần Quản trị thương hiệu được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về quản trị thương hiệu, (2) hoạch định chiến lược, kế hoạch, chương trình xây dựng và phát triển thương hiệu, (3) tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động thương hiệu. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 3 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng xây dựng và phát triển thương hiệu vào thực tế, môi trường doanh nghiệp.

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình chi tiết đào tạo Cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành hệ chính quy gồm 141 TC (kể cả Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất), trong đó có 26 TC giáo dục đại cương, 20 TC cơ sở khối ngành, 84 TC kiến thức ngành và tốt nghiệp, việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện.

+ **Phần nội dung chương trình bắt buộc:** Trường Đại học Tây Đô chỉ đạo Khoa Quản trị kinh doanh phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng đã quy định.

+ **Phần nội dung chương trình tự chọn:** tùy theo số đông sinh viên lựa chọn chủ đề của phần tự chọn để học đủ số lượng theo quy định, học thêm 4 TC và làm tiểu luận nếu sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp.

+ **Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:** Khoa Quản trị kinh doanh sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ và phải bảo đảm tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trước khi học các môn chuyên ngành. Phòng Đào tạo và Khoa Quản trị kinh doanh sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện theo chương trình chi tiết đã được duyệt.

12. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tây Đô./.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

P. PHÒNG ĐÀO TẠO

P. TRƯỞNG KHOA



Lê Phú Nguyễn Hải

Nguyễn Hải